

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 268/2017/DS-PT

Ngày: 02-11-2017

V/v tranh chấp: “Hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Em**;

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng;

Ông Huỳnh Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Thục** – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông **Võ Trung Hiếu** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 27 tháng 10 và 02 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2017/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 82/2017/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 257/2017/QĐ-PT ngày 05 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Bích H**, sinh năm 1972; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Anh **Mai Văn Đ**, sinh năm 1967; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1976; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T và anh Đ: Ông **Nguyễn Văn G**, là Luật gia thuộc Hội luật gia tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

- Người kháng cáo: Bị đơn, anh **Mai Văn Đ** và anh **Nguyễn Văn T**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm,

**. Nguyên đơn, chị Phạm Bích H trình bày:*

Chị làm nghề kinh doanh thức ăn gia súc, anh Đ là bạn học có giới thiệu anh T cùng làm ăn chung đến mua thức ăn gia súc tại cửa hàng của chị, bắt đầu từ ngày 12-9-2015 (âm lịch), anh Đ và anh T điện thoại mua hàng tổng cộng chín lần như sau:

Giao hàng cho anh T ba lần: Lần một vào ngày 16-9-2015 (âm lịch), chị có giao cho anh T 50 bao thức ăn hiệu 41, thành tiền là 11.900.000 đồng, không có ký nhận; Lần hai vào ngày 16-10-2015 (âm lịch) giao 45 bao hiệu 41, 05 bao hiệu 21, thành tiền là 12.375.000 đồng, không có ký nhận; Lần ba vào ngày 22-11-2015 (âm lịch) giao 40 bao hiệu 41, 10 bao hiệu 21, thành tiền là 13.120.000 đồng, anh T có ký nhận. Các lần này do anh Nguyễn Thanh V đi xe của Công ty B giao tại nhà anh T, tổng cộng ba lần giao với số tiền là 37.395.000 đồng, sau đó anh T có trả được 27.240.000 đồng, còn nợ lại số tiền 10.155.000 đồng.

Phần anh Đ chị giao sáu lần: Lần một vào ngày 12-9-2015 (âm lịch), giao tại nhà anh T 30 bao hiệu 41, 10 bao hiệu 21, thành tiền là 10.740.000 đồng, không có ký nhận nhưng có ghi vào sổ của Công ty B; Lần hai vào ngày 08-10-2015 (âm lịch) giao 30 bao hiệu 41 do xe Công ty B giao tại nhà anh T1, có anh Mai Hữu T1 là cháu của anh Đ ký nhận và 05 bao viên đỏ do chị trực tiếp giao, không có ký nhận, thành tiền là 10.200.000 đồng; Lần ba vào ngày 18-10-2015 (âm lịch) giao 35 bao hiệu 41 thành tiền là 8.225.000 đồng, do xe Công ty B giao tại nhà ông Mai Văn B1 là chú của anh Đ, ông B1 có ký nhận; Lần thứ tư vào ngày 27-10-2015 (âm lịch) giao 10 bao thức ăn heo con, do chị trực tiếp giao tại nhà anh Đ, thành tiền là 3.600.000 đồng, không ký nhận; Lần thứ năm vào ngày 22-11-2015 (âm lịch) giao 50 bao hiệu 41 do xe Công ty giao tại nhà anh T, thành tiền 11.900.000 đồng, không có ký nhận; Lần thứ sáu vào ngày 22-12-2015 (âm lịch) giao 50 bao hiệu 41 do xe Công ty giao tại nhà anh T, thành tiền 11.800.000 đồng, có vợ anh T ký nhận dùm. Tổng cộng 06 lần giao với số tiền 56.465.000 đồng, sau đó anh Đ có trả được 46.210.000 đồng, còn nợ lại 10.255.000 đồng.

Nay chị yêu cầu anh T trả 10.155.000 đồng và anh Đ trả số tiền 10.255.000 đồng; trả làm một lần.

** Bị đơn, anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Do có quen biết nên từ khoảng tháng 10 năm 2015 đến ngày 26-02-2016, anh có mua thức ăn gia súc ở cửa hàng của chị Phạm Bích H, anh thừa nhận mua tổng cộng 27.270.000 đồng. Sau đó, ngày 18-01-2016, anh không biết

ngày âm lịch hay dương lịch anh đã trả 20.000.000 đồng, còn nợ lại 7.270.000 đồng. Lần ba vào ngày 26-02-2016, anh cũng không biết âm lịch hay dương lịch, anh mua 50 bao hiệu 41, 10 bao hiệu 21, thành tiền là 15.150.000 đồng và trong ngày 26-02-2016, anh đã trả đủ số tiền nợ lại chị H là 22.420.000 đồng, các lần trả tiền này, chị H có ghi vào sổ của anh. Nay anh không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của chị H.

** Bị đơn, anh Mai Văn Đ trình bày:*

Do quen biết anh có mua thức ăn gia súc tại cửa hàng chị H từ ngày 12-9-2015 (âm lịch), khi mua anh trả tiền mặt. Từ ngày 17-01-2016, chị H có cấp cho anh quyển sổ theo dõi số lượng thức ăn gia súc khi giao nhận để dễ thanh toán tiền về sau, anh đã thanh toán tiền nhiều lần cho chị H, anh không nhớ rõ ngày tháng năm và số tiền đã thanh toán. Đến ngày 15-8-2016, anh đã thanh toán tiền cho chị H xong, không nợ nần gì, từ đó đến nay anh không mua bán thức ăn gia súc với chị H nữa nên anh không đồng ý theo yêu cầu của chị H.

Bản án sơ thẩm số 82/2017/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 357, 430, 440 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Bích H.

Buộc anh Nguyễn Văn T trả cho chị Phạm Bích H số tiền 10.155.000 đồng (Mười triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng), trả làm một lần.

Buộc anh Mai Văn Đ trả cho chị Phạm Bích H số tiền 10.255.000 đồng (Mười triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng), trả làm một lần.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, nghĩa vụ chịu lãi chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 24-7-2017, anh Nguyễn Văn T và anh Mai Văn Đ có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ đơn khởi kiện của chị Phạm Bích H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Mai Văn Đ và anh Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Bích H.

Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T và anh Đ cho rằng: Chị H kiện anh T yêu cầu trả số tiền 10.155.000 đồng, anh Đ số tiền

10.255.000 đồng là không có căn cứ. Bởi vì chị H không có giấy tờ chứng cứ gì chứng minh anh T, anh Đ còn nợ chị số tiền trên. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 82/2017/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Mai Văn Đ và anh Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 82/2017/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Phạm Bích H có bán thức ăn gia súc cho anh Mai Văn Đ và anh Nguyễn Văn T. Nay chị H yêu cầu anh Đ trả số tiền còn thiếu là 10.255.000 đồng, anh T trả số tiền 10.155.000 đồng. Tòa án thụ lý vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng mua bán là đúng qui định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Đối với số tiền của anh T: Chị H xác định năm 2015, chị có bán thức ăn cho anh T 03 lần, cụ thể: Lần một vào ngày 16-9-2015 (âm lịch), chị có giao cho anh T 50 bao thức ăn hiệu 41, thành tiền là 11.900.000 đồng, không ký nhận; Lần hai vào ngày 16-10-2015 (âm lịch), giao 45 bao hiệu 41, 05 bao hiệu 21, thành tiền là 12.375.000 đồng, không ký nhận; Lần ba vào ngày 22-11-2015 (âm lịch) giao 40 bao hiệu 41, 10 bao hiệu 21, thành tiền là 13.120.000 đồng, anh T có ký nhận. Các lần này do anh Nguyễn Thanh V đi xe của Công ty B giao tại nhà anh T, tổng cộng ba lần giao với số tiền là 37.395.000 đồng. Sau đó, anh T có trả được 27.240.000 đồng, còn nợ lại số tiền 10.155.000 đồng. Đối với quyền tập anh T giao nộp tổng cộng 42.420.000 đồng là anh T mua thức ăn vào năm 2016 đã thanh toán xong. Nay chị yêu cầu anh T trả cho chị tiền thức ăn 10.155.000 đồng là nợ 03 lần mua thức ăn trong năm 2015. Anh T thừa nhận cuối năm 2015 anh có mua thức ăn của chị H 02 lần, 01 lần không có ký sổ và 01 lần ký sổ vào ngày 31-12-2015 với tổng số tiền 27.270.000 đồng. Chị H không xuất trình chứng cứ

gì chứng minh chị đã bán thức ăn cho anh T 03 lần trong năm 2015 với số tiền là 37.395.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận lời thừa nhận của anh T năm 2015 mua thức ăn của chị H 02 lần là 27.270.000 đồng. Tuy nhiên, số tiền này chị H thừa nhận anh T đã trả cho chị là 27.240.000 đồng, như vậy anh T chỉ còn nợ chị H 30.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H buộc anh T trả cho chị H 10.155.000 đồng là không có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc anh T trả tiếp cho chị H số tiền 30.000 đồng.

Đối với số tiền của anh Đ: Chị H xác định năm 2015, chị có bán thức ăn cho anh Đ 06 lần, cụ thể: Lần một vào ngày 12-9-2015 (âm lịch) chị giao tại nhà anh T 30 bao hiệu 41, 10 bao hiệu 21, thành tiền là 10.740.000 đồng, không ký nhận nhưng có ghi vào sổ của Công ty B; Lần hai vào ngày 08-10-2015 (âm lịch) giao 30 bao hiệu 41 do xe Công ty B giao tại nhà anh T1, có anh Mai Hữu T1 là cháu của anh Đ ký nhận và 05 bao viên đỏ do chị trực tiếp giao, không ký nhận, thành tiền là 10.200.000 đồng; Lần ba vào ngày 18-10-2015 (âm lịch) giao 35 bao hiệu 41 thành tiền là 8.225.000 đồng, do xe Công ty B giao tại nhà ông Mai Văn B1 là chú của anh Đ, ông B1 ký nhận; Lần thứ tư vào ngày 27-10-2015 (âm lịch) giao 10 bao thức ăn heo con, do chị trực tiếp giao tại nhà anh Đ, thành tiền là 3.600.000 đồng, không ký nhận; Lần thứ năm vào ngày 22-11-2015 (âm lịch) giao 50 bao hiệu 41 do xe Công ty giao tại nhà anh T, thành tiền 11.900.000 đồng, không ký nhận; Lần thứ sáu vào ngày 22-12-2015 (âm lịch) giao 50 bao hiệu 41 do xe Công ty giao tại nhà anh T, thành tiền 11.800.000 đồng, có vợ anh T ký nhận dùm. Tổng 06 lần giao với số tiền 56.465.000 đồng, sau đó anh Đ có trả được 46.210.000 đồng, còn nợ lại 10.255.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Đ khai năm 2015 anh mua thức ăn của chị H 03 lần. Tuy nhiên, tại biên bản phiên tòa sơ thẩm anh Đ có thừa nhận mua thức ăn gia súc của chị H 06 lần (BL 64) không nhớ ngày tháng năm, anh đã thanh toán xong, chị H không thừa nhận, anh Đ cung cấp quyển tập là anh mua thức ăn của chị H từ ngày 17-01-2016 gồm 33 lần, có ngày tháng cụ thể anh Đ đã thanh toán xong. Từ việc thừa nhận mua 06 lần này không nhớ ngày tháng, chị H trình bày đã bán cho anh Đ 06 lần thức ăn trong năm 2015 là có căn cứ. Số tiền anh Đ mua 06 lần thức ăn là 56.465.000 đồng, anh Đ trả được 46.210.000 đồng còn nợ lại 10.255.000 đồng; anh Đ cho rằng đã thanh toán xong nhưng chị H không thừa nhận, anh Đ không có chứng cứ chứng minh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc anh Đ trả cho chị H số tiền 10.255.000 đồng là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn T, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh

Mai Văn Đ. Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 82/2017/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp một phần nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

Ý kiến của Luật gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T anh Đ phù hợp một phần nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nhận định của Luật gia.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí đối với số tiền đòi anh T không được chấp nhận. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng, anh T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 430, 440, của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn T. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Mai Văn Đ.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 82/2017/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Bích H yêu cầu đối với anh Mai Văn Đ và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị H yêu cầu đối với anh Nguyễn Văn T.

- Buộc anh Nguyễn Văn T trả cho chị Phạm Bích H số tiền 30.000 đồng (Ba mươi nghìn đồng).

- Buộc anh Mai Văn Đ trả cho chị Phạm Bích H số tiền 10.255.000 đồng (Mười triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Thời gian trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, nếu chậm trả thì hàng tháng, anh T, anh Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí:

- Chị H phải chịu 506.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 510.000 đồng tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu số 06175 ngày 15-12-2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên chị H được hoàn lại số tiền 3.800 đồng.

- Anh Mai Văn Đ phải chịu 513.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, anh Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 07245 ngày 24-7-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, được trừ vào án phí nên anh Đ còn phải nộp 513.000 đồng.

- Anh Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, anh T không phải chịu án phí phúc thẩm, anh T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 07246 ngày 24-7-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, được trừ vào án phí nên anh T được nhận lại số tiền 100.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 20 phút, ngày 02-11-2017 có mặt chị H, anh T; vắng mặt anh Đ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

Trần Thị Kim Em